

## Phụ lục 4

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNC ngày tháng 03 năm 2026  
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	16 01 06	50
2	Các loại dầu thải khác	Lỏng	NH	17 07 03	150
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>200</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng, giấy in hồng	18 01 05	TT-R	140
2	Bao bì nhựa	18 01 06	TT-R	100
3	Bao bì kim loại	18 01 08	TT-R	120
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>360</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau củ, ...)	<b>80</b>
2	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh, ...)	
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại (không bao gồm chất thải nguy hại)	

#### 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	KS	08 02 04	50
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	KS	12 06 06	5.647
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	KS	18 01 02	80
4	Bao bì mềm thải	Rắn	KS	18 01 01	794
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	KS	18 01 03	2.946
6	Bao bì cứng bằng các vật liệu khác (composit...)	Rắn	KS	18 01 04	330
7	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	Rắn	KS	19 12 01	50
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	KS	18 02 01	4.062
9	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	Rắn	KS	19 05 02	7.150
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>21.109</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Trang bị thiết bị lưu chứa trong kho (bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy, chứa riêng đối với từng loại chất thải. Các thiết bị lưu chứa được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu và gồm thông tin sau: tên và mã chất thải

nguy hại. Các thiết bị lưu giữ có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng) và trang bị thiết bị PCCC và vật dụng phòng chống sự cố tràn đổ để ứng phó sự cố khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo đúng quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 36 m<sup>2</sup> (bố trí bên ngoài toà nhà, gần khu vực nhà xe);
- Thiết kế, cấu tạo: dạng kho lưu giữ có mái che, tường bao, nền bê tông, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có biển cảnh báo tại khu vực lưu chứa chất thải theo quy định. Bên trong kho có bố trí thiết bị lưu chứa như được trình bày ở trên; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại dạng lỏng, có tường bao xung quanh để phòng ngừa tràn đổ; có thiết bị phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ và xéng, giẻ lau để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ chất thải nguy hại.

### 2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 8,25 m<sup>2</sup> (bố trí gần kho lưu chứa chất thải nguy hại).
- Thiết kế, cấu tạo: dạng kho lưu giữ có mái che, nền bê tông đáp ứng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng nhựa dung tích các loại có nắp đậy được bố trí tại các vị trí thích hợp.

#### 2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Kho lưu chứa: Chủ cơ sở bố trí các thùng chứa dung tích các loại có nắp đậy tại các khu vực văn phòng, đường nội bộ sau đó thu gom về khu vực lưu chứa gần kho rác nguy hại.

### 2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Chủ cơ sở phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để thực hiện quản lý theo quy định. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2.5. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**